

Số: 539/2020/QĐST- HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án HNGĐ thụ lý số 515/2020/ TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1983.

- Bị đơn: Chị Bùi Lan O, sinh năm 1985.

Đều ĐKKHKT: Tổ 29 cũ (Tổ 18 mới), phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 2 LH, phường TC, quận BD, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th - Chức vụ: Tổng giám đốc Agribank

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Thanh H- Trưởng phòng khách hàng HSX&CN Ngân hàng N Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 33; 35; 54; 55; 59; 60; 62; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 90, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/9/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn D và chị Bùi Lan O.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn D và chị Bùi Lan O nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên thống nhất, giao con chung là cháu Phạm Ngọc Minh T, sinh ngày 21/9/2007 cho anh Phạm Văn D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao con chung là cháu Phạm Minh P, sinh ngày 26/8/2011 cho chị Bùi Lan O chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không giải quyết do hai bên không có yêu cầu.

Anh D, chị O được quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung.

2.3. Về tài sản- công nợ chung:

+ *Về tài sản chung:* Hai bên thống nhất thỏa thuận, chị Bùi Lan O trực tiếp quản lý và sử dụng thửa đất số: 293, tờ bản đồ số 44, diện tích 92 m², loại đất ở tại đô thị thuộc tổ 18, phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 956487 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27/3/2017 mang tên Bùi Lan O và Phạm Anh Duy). Về tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà 4 tầng xây dựng năm 2016, mái đổ bê tông cốt thép, nền lát gạch liên doanh 80x80, diện tích 90m²/1 sàn. Thửa đất này hiện đang được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số HSX/2017/394/HĐTC ngày 30/10/2017 để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8500-LAV-201901185 ngày 12/11/2019 giữa chị Bùi Lan O với Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên.

Vị trí thửa đất như sau:

- Phía Bắc giáp đường quy hoạch vị trí từ điểm 1-2-6= 4,6m;
- Phía Đông giáp đường quy hoạch vị trí từ điểm 6-7-8-9= 15,84m;
- Phía Tây giáp thửa đất số 292, tờ bản đồ số 44 vị trí từ điểm 5-1= 14,90m;
- Phía Nam giáp thửa đất số 310 tờ bản đồ số 44 vị trí từ điểm 4-5= 6,76m.

(Có trích đo kèm theo)

+ *Về nợ chung:* Các bên thống nhất thỏa thuận chị Bùi Lan O có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên tổng số tiền là 1.690.000.000đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng) tính đến ngày 07/9/2020 theo Hợp đồng tín dụng số 8500-LAV-201901185 ngày 12/11/2019.

Kể từ ngày 08/9/2020, chị Oanh còn phải tiếp tục chịu khoản lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 8500-LAV-201901185 ngày 12/11/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2.4. Về chi phí tố tụng khác: Tổng tiền thẩm định, định giá tài sản là 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng). Hai bên thống nhất thỏa thuận, anh D và chị O mỗi người nộp 2.850.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Hai bên đã nộp xong.

2.5. Về án phí: Anh D nhận nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 15.675.000 đồng (Mười lăm triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung và nợ chung được

khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.800.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003254 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự TP Thái Nguyên, anh D còn phải nộp tiếp 13.025.000 đồng (Mười ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Chị O nhận nộp 15.675.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung và nợ chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND tp.TN;
- UBND P. Tân Lập, TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân

